

Bản án số: 150/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 11 - 2025

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám

2. Bà Hà Thị Lệ Thi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang:** Ông Phạm Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2025 về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn L, sinh năm 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp An H, xã Mỏ C, tỉnh Vĩnh L1.

2. **Bị đơn:** Chị Lý Thị Như Y, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh L3, xã Vĩnh H1, tỉnh An G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn L trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh Trần Văn L và chị Lý Thị Như Y (Sau đây gọi tắt là anh L, chị Y) tự quen biết và sau một thời gian tìm hiểu cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở

địa phương tháng 12/2017 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre ngày 14/5/2018. Sau khi cưới chị Y về sinh sống và làm dâu bên gia đình anh L, sau đó vợ chồng đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương đến cuối năm 2019, thì cả hai về quê sinh sống tại ấp An H, xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (*Nay thuộc xã Mỏ C, tỉnh Vĩnh L1*). Đến tháng 05/2019 chị Y bỏ nhà đi chung sống với một người đàn ông khác và chấm dứt tình nghĩa vợ chồng với anh L, do nhận thấy chung sống với anh L không hạnh phúc, rất khó khăn về kinh tế. Nhiều lần anh L khuyên chị Y về chung sống với anh, nhưng chị kiên quyết không chịu về, nên vợ chồng ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với chị Y và cũng không thể chung sống với nhau được nữa, anh yêu cầu được ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh L, chị Y không có con chung.

Về chia tài sản chung: Anh L, chị Y không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn chị Y được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị Y vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Y, do chị Y thấy cuộc sống gia đình hết sức khó khăn eo hẹp về kinh tế, sống với anh không hạnh phúc, nên chị Y bỏ nhà đi sống chung với một người đàn ông khác từ tháng 5/2019 đến nay, bỏ mặc anh L. Mặc dù, anh nhiều lần khuyên chị Y quay về chung sống với anh nhưng chị không đồng ý. Nhận thấy, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp, không có tiếng nói chung, ly thân từ năm 2019 đến nay cả hai không còn tình cảm nhau; về con chung và chia tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh L được ly hôn với chị

Y; về con chung và chia tài sản chung không có, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính xã Vĩnh Hòa, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Y được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Y.

[3]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh L, chị Y xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương tháng 12/2017 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre ngày 14/5/2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh L, chị Y là hợp pháp.

Lý do anh L yêu cầu ly hôn với chị Y là sau khi cưới vợ chồng anh L, chị Y chung sống hạnh phúc đến tháng 05/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, trong việc làm ăn kinh tế gia đình. Chị Y nhận thấy cuộc sống của vợ chồng hết sức khó khăn về kinh tế, sống với anh L không hạnh phúc nên tháng 5/2019 chị Y bỏ nhà đi đến nay cả hai không quan tâm, liên lạc nhau và tình trạng hôn nhân của anh L, chị Y cũng được chính quyền địa phương xác nhận là đúng.

Tại phiên tòa HĐXX đã động viên hàn gắn nhưng anh L kiên quyết ly hôn với chị Y. Mâu thuẫn giữa anh L, chị Y xuất phát từ vấn đề kinh tế, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến xảy ra cự cãi. Chị Y bỏ nhà đi từ tháng 5/2019 đến nay cả hai không quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa anh, chị là mâu thuẫn thường xảy ra trong cuộc sống gia đình, đáng lẽ ra các bên phải biết tìm hiểu rõ sự thật của vụ việc, để thông cảm, tha thứ cũng như chia sẻ khó khăn cho nhau, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó mà lại

quyết định sống ly thân, làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng thêm, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên cho anh L được ly hôn với chị Y là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh L, chị Y không có con chung.

Về chia tài sản chung: Anh L, chị Y không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh L phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Trần Văn L được ly hôn với chị Lý Thị Như Y.
2. Về con chung: Anh L, chị Y không có con chung.
3. Về chia tài sản chung: Anh L, chị Y không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh L phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000051 ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 6;
- Phòng THADS khu vực 6;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng